



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.2599.1846>

## NAM TÍNH TRUNG HOA: MÔ HÌNH QUÂN TỬ VÀ NHỮNG BIẾN ĐỔI

Phan Thị Thùy Linh

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Phú Yên, Việt Nam

Email: [phanthithuylinh@pyu.edu.vn](mailto:phanthithuylinh@pyu.edu.vn)

### Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 22/7/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 10/9/2025; Ngày duyệt đăng: 20/11/2025

### Tóm tắt

Nam tính Trung Hoa không phải là một thực thể cố định mà liên tục biến đổi theo từng giai đoạn lịch sử. Trong đó, mô hình nam tính quân tử đóng vai trò quan trọng kiến tạo nên mẫu hình nam tính lý tưởng. Nghiên cứu này kết hợp phương pháp phân tích lịch sử - văn hóa và phân tích diễn ngôn để phân tích quá trình hình thành, duy trì và tái cấu trúc mô hình quân tử, đồng thời đánh giá cách nó được diễn giải lại trong bối cảnh chính trị, kinh tế và văn hóa khác nhau. Kết quả chính cho thấy rằng, mặc dù lý tưởng quân tử tiếp tục duy trì ảnh hưởng trong xã hội Trung Quốc, nhưng nó đã bị thách thức và tái định nghĩa. Trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa (1966-1976), quân tử bị loại bỏ hoàn toàn khỏi diễn ngôn chính trị. Lý tưởng nam tính không còn là Nho sĩ mà bị thay thế bởi hình mẫu công nhân và chiến binh cách mạng. Ngày nay, mô hình nam tính này tiếp tục lai ghép với các yếu tố hiện đại, kết hợp giữa trí thức, kinh doanh và chủ nghĩa dân tộc. Sự vận động này phản ánh cách Trung Quốc điều chỉnh chuẩn mực nam tính để phù hợp với thời đại mới.

**Từ khóa:** Nam tính, nam tính quân tử, nam tính lai ghép, Trung Hoa, wen -wu.

Trích dẫn: Phan, T. T. L. (2026). Nam tính Trung Hoa: Mô hình quân tử và những biến đổi. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, Online First*, 1-11. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.2599.1846>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

## **CHINESE MASCULINITY: THE JUNZI MODEL AND ITS TRANSFORMATIONS**

**Phan Thi Thuy Linh**

*Faculty of Social Sciences and Humanities, Phu Yen University, Vietnam*

*Email: phanthithuylinh@pyu.edu.vn*

*Article history*

*Received: 22/7/2025; Received in revised form: 10/9/2025; Accepted: 20/11/2025*

### **Abstract**

*Chinese masculinity is not a fixed entity but has continuously evolved throughout different historical periods. Among its various forms, the junzi masculinity has played a crucial role in shaping the ideal male model. This study combines historical-cultural analysis and discourse analysis to examine the formation, maintenance, and reconstruction of the junzi model, while also evaluating how it has been reinterpreted in different political, economic, and cultural contexts. The main findings indicate that although the junzi ideal continues to exert influence in Chinese society, it has been challenged and redefined. Specially, over the Cultural Revolution (1966–1976), the junzi was completely eliminated from political discourse. The ideal form of masculinity was no longer the Confucian scholar but was instead replaced by the model of the worker and the revolutionary soldier. Today, this masculine model continues to hybridize with modern elements, integrating intellectualism, business, and nationalism. This transformation reflects how China has adapted its masculine norms to align with contemporary societal changes.*

**Keywords:** *China, junzi masculinity, hybrid masculinity, Masculinity, wen-wu.*

## **1. Giới thiệu**

Trong suốt hơn hai thiên niên kỷ, mô hình quân tử đã đóng vai trò trung tâm trong việc xác định hình mẫu nam tính lý tưởng ở Trung Quốc, gắn liền với hệ tư tưởng Nho giáo. Hình mẫu này đề cao phẩm chất đạo đức, trí tuệ, và khả năng lãnh đạo xã hội, trong đó một người đàn ông lý tưởng không chỉ cần học rộng, hiểu sâu mà còn phải tuân theo các chuẩn mực luân lý và đóng vai trò trụ cột trong gia đình cũng như quốc gia. Tuy nhiên, với sự thay đổi của thời cuộc, mô hình quân tử đã trải qua nhiều điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu thực tiễn của xã hội Trung Quốc, từ thời phong kiến, cận đại, đến thời kỳ toàn cầu hóa.

Năm 1914, trong bối cảnh nước Cộng hòa Trung Hoa non trẻ mới chỉ tồn tại chưa đầy hai năm, học giả Lương Khải Siêu đã có một bài phát biểu tại Trường Đại học Thanh Hoa (Bắc Kinh) kêu gọi người Trung Quốc củng cố quốc gia bằng cách quay trở lại với hình mẫu quân tử. Ông đã nhấn mạnh vai trò trung tâm của lý tưởng quân tử trong hệ thống giáo dục của Anh và Mỹ, những quốc gia hùng mạnh và thịnh vượng. Ông lập luận rằng, bằng cách chọn quân tử làm tiêu chuẩn, Trung Quốc có thể nâng cao “nhân cách của người dân Trung Hoa” (Hird, 2017).

Tuy nhiên, bước vào thế kỷ XX, các cuộc cách mạng chính trị và biến động xã hội đã làm thay đổi mạnh mẽ quan niệm về nam tính, quân tử bị loại bỏ khỏi diễn ngôn chính trị. Từ hình mẫu trí thức Nho giáo, nam tính Trung Hoa chuyển sang đề cao hình ảnh chiến sĩ cách mạng và công nhân lao động. Đến thời kỳ cải cách kinh tế, xuất hiện một loại hình nam tính mới: người đàn ông công sở, thành đạt, gắn liền với “giấc mơ Trung Hoa”. Đồng thời, sự giao thoa văn hóa với Nhật Bản, Hàn Quốc và phương Tây đã tạo ra những dạng thức nam tính lai ghép (hybrid masculinity), khi nam giới không chỉ được kỳ vọng mạnh mẽ mà còn có thể thể hiện sự mềm mại, tinh tế trong cách ăn mặc và ứng xử.

Bài viết này sẽ phân tích quá trình chuyển đổi của mô hình quân tử trong lịch sử Trung Quốc, từ giai đoạn hình thành trong Nho giáo, sự thách thức trong thời cận đại, đến những biến đổi trong thời kỳ hiện đại. Việc nghiên cứu sự thay đổi này không chỉ giúp hiểu rõ hơn về sự vận động của nam tính Trung Hoa mà còn phản ánh những thay đổi sâu sắc trong cấu trúc quyền lực và bản sắc giới tính trong xã hội Trung Quốc đương đại.

## **2. Phương pháp**

Nghiên cứu về mô hình quân tử Trung Hoa được thực hiện thông qua phương pháp phân tích lịch sử - văn hóa kết hợp với cách tiếp cận diễn ngôn. Với phương pháp phân tích lịch sử - văn hóa, chúng tôi khảo sát quá trình hình thành và phát triển của khái niệm quân tử từ thời Khổng Tử đến các triều đại phong kiến Trung Quốc và phân tích các biến đổi của mô hình này khi Trung Quốc bước vào thời kỳ hiện đại. Với phương pháp phân tích diễn ngôn, chúng tôi nghiên cứu các văn bản Nho giáo để hiểu rõ chuẩn mực quân tử và xem xét cách các học giả diễn giải lại khái niệm quân tử theo từng thời kỳ. Điều này cung cấp một cái nhìn toàn diện và linh hoạt về mô hình quân tử, thay vì chỉ xem nó như một khái niệm cố định trong tư tưởng Nho giáo.

## **3. Mô hình quân tử trong truyền thống Trung Hoa**

### **3.1. Khái niệm quân tử (junzi)**

Thuật ngữ quân tử (junzi) biểu thị một mô hình mẫu mực của con người. Đây là một danh hiệu đáng kính dành cho những người có tinh thần cao quý, những người không ngừng phấn đấu để sống theo năm đức hạnh cốt lõi được đề cập trong Nho giáo gồm: Nhân (lòng nhân ái, sự nhân từ); Nghĩa (chính trực, làm điều đúng đắn); Lễ (sự tôn trọng, tuân thủ các quy tắc xã hội một cách hài hòa); Trí (sự thông thái, quản lý tri thức); Tín (sự đáng tin cậy, trung thực). Ban đầu quân tử chỉ tầng lớp quý tộc, nhưng Khổng Tử đã mở rộng ý nghĩa để bao gồm

những cá nhân có phẩm chất đạo đức cao, bất kể xuất thân. Mạnh Tử cũng như Khổng Tử đều cho rằng quân tử là bậc người cao minh hoàng đại, song người quân tử của Mạnh Tử không chỉ biết ôn hòa, nhẫn nhịn, mà còn mạnh mẽ đứng lên chống lại những bất công, lật đổ bạo chúa khi cần. Khổng Tử nhấn mạnh đạo đức, lễ nghĩa. Mạnh Tử nhấn mạnh lòng nhân ái và trách nhiệm chính trị. Trần (2008) cho rằng “người quân tử của Khổng Tử thì hồn nhiên, lúc nào cũng ôn hòa, thuần hậu, mà người quân tử của Mạnh Tử thì khuê giốc, nghĩa là cứng cỏi, có góc có cạnh”.

So sánh quân tử của Khổng Tử với khái niệm “better man” của Kant có thể thấy cả hai đều nhấn mạnh đến đạo đức và sự tu dưỡng cá nhân. Cả hai đều xem ý niệm về quân tử hoặc “better man” như một biểu hiện của nhân tính lý tưởng. Nhưng quân tử được xác định dựa trên chuẩn mực luân lý xã hội, nghĩa là con người có thể điều chỉnh hành vi để phù hợp với lễ nghi, đạo đức của thời đại. “Better man” của Kant lại nhấn mạnh đạo đức phổ quát và tuyệt đối, không bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh hay quan hệ xã hội. Một người tốt không phải vì xã hội yêu cầu, mà vì họ nhận thức được đó là nghĩa vụ đạo đức. Trong Nho giáo, quân tử là người có trách nhiệm với xã hội, từ gia đình đến quốc gia. Họ không tồn tại độc lập mà luôn nằm trong các mối quan hệ như cha-con, vua-tôi, thầy-trò. Kant lại nhấn mạnh tính tự chủ của đạo đức, nghĩa là con người phải tự quyết định hành động đúng sai dựa trên lý trí, thay vì dựa vào nghĩa vụ xã hội (Wenyu, 2012). Như vậy có thể thấy, Nho giáo có tính thực dụng, nghĩa là đạo đức có thể được điều chỉnh để phù hợp với hoàn cảnh thực tế. Một quân tử có thể linh hoạt trong cách ứng xử miễn là không làm mất đi đạo đức cốt lõi. Kant lại có cách tiếp cận tuyệt đối, trong đó nguyên tắc đạo đức không thể thay đổi dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

Pines (2017) cho rằng, Khổng Tử đề cao sự di động xã hội khi tầng lớp sĩ (shi) có thể trở thành tầng lớp tinh hoa nhờ vào đạo đức và tri thức, thay vì huyết thống như quý tộc châu Âu thời phong kiến. Khái niệm quân tử (junzi) giúp duy trì một hệ thống lãnh đạo dựa trên phẩm chất cá nhân, phân biệt với tiểu nhân (xiaoren). Dù hệ thống này không phải lúc nào cũng dựa trên năng lực thực sự, nhưng diễn ngôn về chế độ trọng dụng nhân tài (meritocracy) vẫn chiếm ưu thế. Ngay cả khi một thành viên của giới tinh hoa có được địa vị nhờ xuất thân, thì trên danh nghĩa, họ vẫn được kỳ vọng phải có phẩm chất đạo đức và trí tuệ vượt trội so với dân thường.

### **3.2. Quân tử và nam tính**

Theo Connell (2020), nam tính không tồn tại dưới một hình thái thống nhất mà được cấu thành bởi nhiều dạng thức khác nhau trong quan hệ quyền lực giới. Đứng đầu là nam tính bá quyền (hegemonic masculinity), tiếp đến là nam tính đồng lõa (complicit masculinity), nam tính bị trị (subordinated masculinity), cuối cùng là nam tính bên lề (marginalized masculinity). Trong đó, nam tính bá quyền là kiểu nam tính chiếm ưu thế, thống trị và được coi là hợp pháp, chính đáng, từ đó trở thành chuẩn mực” mà các nam tính khác phải tuân theo hoặc bị đặt ở vị trí thứ yếu. Nó vừa duy trì quyền lực của đàn ông so với phụ nữ, vừa tái sản xuất trật tự phân tầng giữa

Quân tử trong Nho giáo có thể xem như một hình thức “nam tính bá quyền”. Mô hình quân tử được Nho giáo nâng lên thành đạo lý phổ quát, gắn với thiên mệnh, nên việc tuân theo quân tử không bị xem là cưỡng ép mà là tự nhiên, tất yếu. Quân tử trở thành chuẩn mực định danh giới tính trong xã hội Nho giáo, muốn được công nhận là “người nam đúng nghĩa”, phải rèn luyện theo khuôn mẫu quân tử. Đối với phụ nữ, quân tử khẳng định vị trí lãnh đạo và kiểm soát đạo đức xã hội. Nam tính quân tử được coi là trụ cột của gia đình và quốc gia, trong khi phụ nữ bị đẩy vào vai trò nội trợ, hỗ trợ, phục tùng. Đối với các nam tính khác như nam tính võ biên, sức mạnh thuần thể chất (võ sĩ, nông dân, thợ thủ công...) thường bị coi là thứ yếu, thô lỗ so với quân tử. Nam tính lệch chuẩn (kẻ tiểu nhân, người sống vì lợi ích cá nhân, không giữ lễ nghĩa) bị xem là đối lập, đáng khinh. Như vậy, quân tử không chỉ đứng trên phụ nữ, mà

còn áp chế và định vị các nam tính khác trong hệ thống phân cấp.

Mặc dù quân tử (junzi) không nhất thiết phải giới hạn ở nam giới về mặt lý thuyết, nhưng trong truyền thống Khổng giáo, nó chủ yếu dùng để chỉ nam giới. Vai trò của nữ giới bị hạn chế, và họ không được khuyến khích tham gia vào chính trị hay trở thành mẫu mực đạo đức như quân tử. Thay vào đó, phẩm hạnh của phụ nữ thường được mô tả qua các khái niệm tam tông, tứ đức. Từ thế kỷ XIX, nhiều học giả đã chọn “gentleman” để dịch junzi, phản ánh một người có phẩm hạnh cao quý, nhưng cách dịch này cũng gây tranh cãi. Từ những năm 1980, nhiều học giả đã chỉ trích việc sử dụng “gentleman” vì nó có tính phân biệt giới tính, trong khi junzi trong Luận Ngữ không hề có yếu tố giới tính. Một số cách dịch thay thế được đề xuất bao gồm “exemplary person” (người mẫu mực), “noble person” (người cao quý), “cultivated individual” (cá nhân được giáo dưỡng) và “moral leader” (nhà lãnh đạo đạo đức) (Qiang & Lambert, 2020). Mặc dù “gentleman” đã trở thành một tiêu chuẩn trong các bản dịch Luận Ngữ, nhưng các dịch giả hiện đại không nên coi đây là lựa chọn mặc định. Xu hướng hiện nay là tìm kiếm các thuật ngữ mang tính trung lập về giới tính và phản ánh chính xác hơn ý nghĩa của junzi trong bối cảnh triết học.

Ngày nay, một số ý kiến cho rằng quân tử vẫn nên là một đặc quyền dành riêng cho nam giới, trong khi nữ giới có thể theo đuổi hình mẫu “thục nữ”. Tuy nhiên, Yu Dan, một nhà văn, diễn giả nổi tiếng của Trung Quốc lại trình bày lý tưởng quân tử như một tiêu chuẩn có thể áp dụng cho bất kỳ ai, bất kể giới tính. Theo đó, quân tử không chỉ đơn thuần là một lý tưởng nam tính mà còn là một chuẩn mực đạo đức phổ quát, hướng đến sự tu dưỡng cá nhân và hành xử đúng đắn trong xã hội. Do đó, bất kể nam hay nữ, bất kỳ ai có đạo đức, nhân nghĩa và hành xử cao thượng đều có thể được xem là quân tử (Hird, 2017).

### **3.3. Mô hình quân tử trong lý thuyết wen - wu**

Một trong những người tiên phong trong lĩnh vực nghiên cứu nam tính Trung Hoa là Kam Louie. Thay vì áp đặt mô hình phương Tây, ông đã đưa ra khung phân tích bản địa về nam tính thông qua lý thuyết bộ đôi wen - wu (văn - võ). Đây là lý thuyết thường được sử dụng trong các nghiên cứu về nam tính Trung Hoa. Louie (2002) cho rằng nam tính Trung Quốc không thể chỉ dựa trên đối lập âm - dương, mà cần được hiểu thông qua hai trục chính: văn (học thức, trí tuệ, đạo đức) và võ (sức mạnh, chiến đấu, trung thành). Ví dụ Quan Vũ - đại diện cho nam tính võ (wu), nhấn mạnh sự trung thành và kiểm soát ham muốn tình dục, trong khi Khổng Tử thể hiện nam tính văn (wen), đặt trọng tâm vào học vấn và đạo đức. Nam giới Trung Quốc có thể thể hiện nam tính qua văn, võ hoặc kết hợp cả hai, với lý tưởng cao nhất là đạt sự hài hòa giữa chúng.

Lý thuyết này tiếp tục phát triển trong bối cảnh “sự trỗi dậy của Trung Quốc” đang ảnh hưởng đến thế giới và khi nam giới Trung Quốc ngày càng di cư nhiều hơn. Mặc dù các yếu tố võ thuật (wu) ngày càng trở nên hấp dẫn hơn, nhưng trí tuệ (wen) vẫn duy trì ưu thế hơn sức mạnh thể chất. Louie (2014) cho thấy cách người Trung Quốc di cư hoặc bám víu vào các giá trị Khổng giáo hoặc phá vỡ những định kiến cứng nhắc về nam tính Trung Quốc. Tiền bạc trở thành yếu tố trung tâm của nam tính, và wen đã “âm thầm biến đổi” để bao gồm cả sức mạnh tài chính.

Có thể thấy, mô hình quân tử không đứng tách biệt mà được định hình trong sự cân bằng và thay đổi giữa hai yếu tố wen và wu theo từng thời kỳ lịch sử. Trong thời kỳ đầu của Nho giáo, Khổng Tử nhấn mạnh rằng một quân tử phải lấy wen làm cốt lõi. Ông đề cao trí tuệ, đạo đức, khả năng tu dưỡng bản thân và lãnh đạo xã hội bằng lý lẽ thay vì vũ lực. Điều này phản ánh trong quan niệm “đĩ đức phục nhân” (lấy đức để cảm hóa con người), khác biệt với mô hình võ tướng dựa trên wu. Tuy nhiên, Khổng Tử không hoàn toàn bác bỏ wu, mà cho rằng một quân tử lý tưởng cũng cần có dũng khí, kiên cường, nhưng phải biết kiểm soát vũ

lực bằng đạo đức. Mạnh Tử tiếp tục phát triển quan điểm này bằng cách phân biệt giữa quân tử và tiểu nhân, trong đó tiểu nhân bị cho là thiếu đạo đức, chỉ dựa vào sức mạnh cơ bắp.

Tuy nhiên, trong lịch sử Trung Quốc, sự cân bằng giữa wen và wu trong mô hình quân tử không phải lúc nào cũng ổn định. Hinsch (2013) phân tích sự phát triển của các khái niệm về nam tính trong suốt lịch sử Trung Quốc, đặt trọng tâm vào thời kỳ phong kiến. Từ nhà Đường đến nhà Tống, wen được đề cao hơn hẳn wu. Hệ thống khoa cử ra đời đã biến tầng lớp trí thức văn nhân thành hình mẫu quân tử lý tưởng, trong khi giới võ tướng thường bị xem là thiếu tinh thần đạo đức và thấp kém hơn trong hệ thống chính trị. Những nhân vật như Chu Hi, Gia Cát Lượng trở thành biểu tượng của quân tử văn (wen), trong khi các võ tướng như Quan Vũ, Nhạc Phi dù được tôn vinh nhưng vẫn không thể vượt qua được sự thống trị của tầng lớp Nho sĩ.

Đến thời Cộng hòa (1895-1949) do những ảnh hưởng từ phương Tây, đặc biệt sau thất bại trong Chiến tranh Trung - Nhật, làm dấy lên nhu cầu cải cách để tái xây dựng hình ảnh nam tính mạnh mẽ. Một số nhà cải cách coi wen là yếu đuối và không đủ mạnh mẽ để đối phó với thời đại mới, dẫn đến sự nhấn mạnh vào wu. Do ảnh hưởng của chủ nghĩa dân tộc, nam tính được gắn liền với sức mạnh quốc gia, nhân mạnh thể chất và tinh thần chiến binh. Mô hình quân tử truyền thống bị thách thức bởi các hình mẫu nam tính mới gắn với chủ nghĩa quân sự và dân tộc. Đến thời xã hội chủ nghĩa cao độ (1949-1979) nam giới lý tưởng được mô tả là công nhân, nông dân và quân nhân trung thành với cách mạng. Hình ảnh Mao Trạch Đông kết hợp giữa wen (thơ ca, thư pháp) và wu (chiến lược quân sự, thể chất mạnh mẽ) được đề cao. Đến thời kỳ cải cách (1979-hiện tại) với sự gia tăng của tầng lớp trung lưu và ảnh hưởng của chủ nghĩa tiêu dùng dẫn đến sự xuất hiện của các mô hình nam tính mới như doanh nhân “quý ông” (junzi hiện đại) (Hird, 2019). Như vậy, mô hình quân tử không phải là một thực thể bất biến mà thay đổi theo sự dịch chuyển của wen và wu. Tùy vào bối cảnh lịch sử, yếu tố nào được nhấn mạnh hơn sẽ quyết định cách hình tượng quân tử được tái định nghĩa trong xã hội Trung Quốc.

Tuy nhiên, Chow (2015) nhận xét rằng Kam Louie ý thức rõ về bản chất “mâu thuẫn” và “không nhất quán” của nam tính Trung Quốc, nhưng vẫn tiếp tục đặt niềm tin vào wen-wu. Liệu wen-wu có phải là một công cụ diễn ngôn giúp duy trì hệ thống quyền lực nam giới và kiểm soát xã hội?. Thay vì khẳng định wen-wu là cách duy nhất để hiểu nam tính Trung Quốc, chúng ta cần xem xét những mô hình nam tính phi wen-wu, chẳng hạn như ảnh hưởng của toàn cầu hóa, nam tính đồng tính, hay những phong trào nam quyền hiện đại.

### **3.4. Quân tử trong thời phong kiến**

Trong xã hội phong kiến Trung Quốc, quân tử không chỉ là một hình mẫu đạo đức mà còn là chuẩn mực nam tính lý tưởng, phản ánh hệ tư tưởng Nho giáo về trật tự xã hội. Mô hình này gắn liền với hệ thống chính trị, giáo dục và văn hóa của Trung Quốc trong suốt hơn hai nghìn năm, giúp duy trì một hệ thống cai trị dựa trên phẩm chất đạo đức và trí tuệ hơn là huyết thống. Từ thời Khổng Tử, quân tử được xác định không phải qua xuất thân mà qua đạo đức, học vấn và năng lực lãnh đạo. Điều này đánh dấu sự khác biệt với thời kỳ trước, khi tầng lớp quý tộc cha truyền con nối nắm quyền lực.

Một trong những yếu tố quan trọng giúp duy trì mô hình quân tử trong xã hội phong kiến là hệ thống khoa cử. Được thiết lập từ thời Đường và hoàn thiện dưới thời Tống, khoa cử tạo cơ hội cho những người không có xuất thân quý tộc có thể vươn lên bằng học vấn và thi cử. Điều này giúp định hình một tầng lớp trí thức mới, trong đó quân tử không chỉ giới hạn trong tầng lớp quý tộc mà còn bao gồm những người đạt thành tựu về học thuật và đạo đức. Chẳng hạn như Hàn Dũ xuất thân từ một gia đình không thuộc giới quý tộc, nhưng nhờ thành công trong khoa cử, ông trở thành một học giả và quan chức nổi bật dưới triều Đường. Ông là

người đề xướng tư tưởng Nho giáo chống lại ảnh hưởng của Phật giáo và Đạo giáo trong triều đình, củng cố quan niệm nam tính dựa trên đạo đức và học vấn (wen). Tô Đông Pha là một trong những trí thức điển hình của hệ thống khoa cử thời Bắc Tống. Dù bị đày ải nhiều lần do mâu thuẫn chính trị, ông vẫn được xem là một hình mẫu quân tử, người đàn ông lý tưởng theo chuẩn Nho giáo, đề cao trí thức và phẩm chất đạo đức hơn là võ lực hay dòng dõi quý tộc. Chu Hi xuất thân từ một gia đình học giả trung lưu, nhưng nhờ khoa cử, ông trở thành một trong những tư tưởng gia quan trọng nhất của Trung Quốc. Ông phát triển Tân Nho giáo (neo-confucianism), củng cố hình ảnh quân tử văn (wen), đặt trọng tâm vào đạo đức, học vấn, và tu dưỡng bản thân. Học thuyết của Chu Hi trở thành nền tảng cho hệ thống khoa cử suốt nhiều thế kỷ sau đó. Trương Kiệt là trạng nguyên cuối cùng của nhà Thanh, nhưng không chỉ dừng lại ở việc làm quan, mà còn đóng vai trò quan trọng trong cải cách giáo dục và công nghiệp Trung Quốc đầu thế kỷ 20. Ông thể hiện một hình mẫu quân tử hiện đại: trí thức, yêu nước và có trách nhiệm với xã hội.

Những người đỗ đạt trở thành quan lại, được xem là hiện thân của mô hình quân tử văn (wen) - nam tính dựa trên trí tuệ và tu dưỡng bản thân, trái ngược với wu - nam tính dựa trên võ lực. Điều này tạo ra sự phân tầng trong xã hội, khi tầng lớp quan văn có địa vị cao hơn giới võ tướng, củng cố quan niệm rằng nam tính lý tưởng phải gắn liền với đạo đức và học vấn hơn là sức mạnh quân sự. Tuy nhiên, dưới thời Nguyên (1271-1368), nam tính thiên về wu, đề cao sức mạnh thể chất, khả năng chiến đấu, phản ánh xã hội bất ôn và sự cai trị của người Mông Cổ. Trong giai đoạn này, giới trí thức Hán bị gạt ra khỏi hệ thống quan lại, dẫn đến sự suy giảm ảnh hưởng của tầng lớp Nho sĩ. Sự bất ôn chính trị và xung đột khiến hình tượng nam tính phổ biến trong dân gian thiên về võ tướng và dũng sĩ, những người có khả năng chiến đấu mạnh mẽ để sinh tồn. Các tác phẩm văn học dân gian như Tam Quốc Chí Bình Thoại (phiên bản dân gian) nhấn mạnh vào sức mạnh thể chất, lòng dũng cảm, khả năng chiến đấu của các nhân vật như Trương Phi, Quan Vũ. Đến thời Minh (1368-1644), hệ thống quan lại dựa trên khoa cử được tái lập, giúp tầng lớp trí thức lấy lại vị thế. Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chủ đạo, đề cao sự cai trị bằng đạo đức, trí tuệ thay vì chỉ dựa vào võ lực. Trong Tam Quốc Diễn Nghĩa (phiên bản, các nhân vật như Gia Cát Lượng được nhấn mạnh nhiều hơn về mưu lược, trí tuệ, trong khi các võ tướng như Trương Phi bị điều chỉnh để giảm bớt sự hung bạo (Hui, 2020).

Trong xã hội phong kiến, mô hình quân tử không chỉ là tiêu chuẩn cá nhân mà còn là công cụ duy trì hệ thống giai cấp. Những người được coi là quân tử có quyền lực chính trị và xã hội, trong khi tầng lớp bình dân bị xem là tiểu nhân, không đủ phẩm hạnh để tham gia vào bộ máy cai trị. Điều này giúp chính quyền duy trì sự ổn định xã hội, khi chỉ những người có đủ đạo đức và học vấn mới được phép tham gia quản lý đất nước.

Mô hình quân tử trong lịch sử Trung Quốc không chỉ định hình nam tính trong chính trị mà còn có ảnh hưởng sâu sắc đến quan niệm về gia đình và hôn nhân. Một người đàn ông lý tưởng phải làm tròn vai trò tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, trong đó việc duy trì nề nếp gia phong là trách nhiệm quan trọng của quân tử. Không Tử nhấn mạnh rằng gia đình là nền tảng của xã hội, trong đó người cha phải đóng vai trò lãnh đạo, giáo dục con cái theo chuẩn mực đạo đức. Trong ba mối quan hệ chủ đạo (Tam cương), ngoài mối quan hệ chính trị “quân thần cương”, còn lại là hai mối quan hệ gia đình “phụ tử” và “phụ thê”. Trong đó người trên (cha, chồng) phải có trách nhiệm yêu thương, bao bọc người dưới. Người dưới (vợ, con) có trách nhiệm tôn kính, phục tùng, hiếu thuận với người trên. Đạo đức Nho giáo đã củng cố duy trì trật tự gia trưởng trong gia đình. Gia Cát Lượng là một nhà chiến lược xuất sắc thời Tam Quốc, không chỉ tận tụy với đất nước mà còn là một hình mẫu quân tử trong gia đình. Trong bức thư nổi tiếng “Giới tử thư” (Thư răn dạy con), ông nhắc nhở con trai về tầm quan trọng của đạo đức, sự khiêm tốn và chăm chỉ học tập, tránh xa những cám dỗ về vật chất, phản ánh tinh thần “tề gia” của một quân tử. Tăng Quốc Phiên là một nhà cải cách quân sự và chính trị thời Thanh,

nhưng ông cũng nổi tiếng với tư tưởng giáo dục gia đình. Ông soạn “Gia thư” (Thư gửi gia đình), trong đó nhấn mạnh đạo đức, trách nhiệm của người cha trong việc dạy dỗ con cái, coi gia đình là nền tảng của một xã hội vững mạnh. Ông tin rằng nếu gia đình không có trật tự, quốc gia cũng sẽ rơi vào hỗn loạn.

Có thể thấy mô hình quân tử được duy trì lâu dài như một chuẩn mực ở Trung Quốc vì quân tử là tiêu chuẩn để tuyển chọn quan lại, giáo dục Nho học, nên nó gắn chặt với hệ thống nhà nước phong kiến. Trẻ em nam từ nhỏ đã được dạy “làm quân tử”, coi đó là con đường thành người, thành đạt. Quân tử không chỉ giới hạn trong chính trị, mà còn lan sang đạo đức, gia đình, ứng xử hằng ngày, tạo nên sức bao trùm của bá quyền. Mặt khác, mô hình này cũng đáp ứng nhu cầu trật tự xã hội, trong xã hội nông nghiệp cần ổn định, quân tử như một “khuôn mẫu lý tưởng” để duy trì sự hài hòa và kỷ cương.

#### **4. Những biến đổi của mô hình quân tử**

##### **4.1. Thách thức từ thời cận đại, cách mạng và sự thay đổi mô hình nam tính**

Định kiến “Người đàn ông bệnh hoạn của châu Á” (sick man of Asia) xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX, khi Trung Quốc suy yếu trước sự xâm lược của các cường quốc phương Tây và Nhật Bản. Thuật ngữ này phản ánh hình ảnh một Trung Quốc lạc hậu, bất lực và không đủ sức chống lại ngoại bang. Điều này không chỉ là một lời sỉ nhục về tình trạng chính trị và kinh tế của Trung Quốc mà còn là một đòn giáng mạnh vào mô hình quân tử, vốn là chuẩn mực nam tính trong suốt hàng nghìn năm. Trước khi khủng hoảng xảy ra, quân tử văn (wen), người đàn ông lý tưởng theo Nho giáo được tôn vinh nhờ học vấn, đạo đức và khả năng cai trị bằng trí tuệ. Tuy nhiên, khi Trung Quốc liên tục thất bại trong các cuộc chiến như Chiến tranh Nha phiến (1839-1842, 1856-1860) và Chiến tranh Trung-Nhật (1894-1895), hình mẫu này bị coi là thiếu thực dụng, nhu nhược và không thể bảo vệ đất nước. Sự nhấn mạnh vào wen khiến giới trí thức bị đánh giá là chỉ giỏi lý luận mà không có khả năng hành động. Sự suy yếu này khiến nam tính Trung Hoa bị so sánh với mô hình nam tính phương Tây, vốn đề cao wu, sức mạnh quân sự và chủ nghĩa đế quốc. Hình tượng nam tính cứng rắn của các chiến binh châu Âu và Nhật Bản đối lập với hình ảnh các quan lại Trung Quốc gầy gò, yếu đuối, tạo nên cảm giác thua kém.

Phân tích sự phát triển và ảnh hưởng của tinh thần võ sĩ đạo (bushidō) trong mối quan hệ giữa Nhật Bản và Trung Quốc từ cuối thế kỷ 19 đến hiện đại, Benesch (2015) cho rằng bushidō được phát triển như một công cụ chính trị để thúc đẩy chủ nghĩa dân tộc, tinh thần quân đội, và lòng trung thành với Thiên hoàng, góp phần tạo nên sự thành công trong cải cách Minh Trị và hiện đại hóa đất nước. Trong khi đó, Trung Quốc, với truyền thống văn hóa nhấn mạnh học thức và đạo đức Nho giáo, thường nhìn nhận Nhật Bản như một quốc gia võ biên, chú trọng tinh thần chiến đấu. Tuy nhiên, các nhà tư tưởng Trung Quốc cuối thế kỷ 19, đặc biệt sau Chiến tranh Trung-Nhật (1894-1895), đã bắt đầu nghiên cứu bushidō và nhận thấy rằng tinh thần này đóng vai trò quan trọng trong sự thành công của Nhật Bản. Lương Khải Siêu đã cố gắng tái định nghĩa bushidō như một giá trị xuất phát từ tư tưởng Nho giáo và Phật giáo Trung Quốc và thậm chí đề xuất khái niệm “Võ sĩ đạo Trung Quốc” nhằm khơi dậy tinh thần dân tộc và võ thuật trong xã hội Trung Quốc. Nhiều học giả và nhà văn cải cách trong các thế hệ sau lại chỉ trích lý tưởng quân tử, vì họ tin rằng tư tưởng Nho giáo đã nuôi dưỡng một “quốc tính” bất lợi cho công cuộc hiện đại hóa Trung Quốc. Theo quan điểm này, sự cứu rỗi của dân tộc phụ thuộc phần lớn vào việc từ bỏ mô hình “sĩ đại phu” của Nho giáo và chuyển sang các mô hình nam tính theo phong cách thương mại và lối sống phương Tây. Trong những năm 1920-1930, tầng lớp trung lưu mới của Thượng Hải cũng dần hướng tới các kiểu nam tính thương mại phương Tây và xa rời các mô hình nam tính truyền thống của Trung Quốc. Sau khi Đảng Cộng sản Trung Quốc giành chiến thắng vào năm 1949, một số học giả đã đề xuất rằng một số nguyên tắc Nho giáo, bao gồm cả mô hình quân tử, có thể phù hợp với chủ nghĩa

xã hội. Tuy nhiên, trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa, quan điểm chống Nho giáo và tư tưởng giai cấp đã chiếm ưu thế trong diễn ngôn chính thống về Nho giáo. Quân tử không còn là hình mẫu nam tính tiêu biểu, mà bị thay thế bằng những người lao động và chiến binh, đại diện cho sự cứng rắn và hy sinh.

#### **4.2. Sự phục hồi của quân tử thời hiện đại và mô hình nam tính lai ghép**

Từ những năm 1980-1990, quân tử đã được tái sử dụng trong chính trị, kinh doanh và văn hóa đại chúng, trở thành một biểu tượng của chủ nghĩa dân tộc văn hóa. Hình mẫu quân tử được tái cấu trúc thành “người đàn ông công sở”, nhấn mạnh thành công cá nhân và trí tuệ. Tuy nhiên, hình mẫu này cũng mang tính thương mại, gắn liền với chủ nghĩa tiêu dùng và thành công kinh tế hơn là đạo đức truyền thống. Các doanh nhân và chuyên gia sử dụng Nho giáo như một hệ thống đạo đức để hợp thức hóa việc theo đuổi của cải vật chất. Trong những năm gần đây, Trung Quốc chứng kiến sự hồi sinh của tư tưởng Khổng giáo, được thể hiện qua việc tổ chức các sự kiện liên quan đến Khổng Tử và mở rộng hệ thống “Viện Khổng Tử” trên toàn cầu. Hình mẫu quân tử đã được nâng tầm mạnh mẽ thông qua sự phổ biến của tư tưởng Nho giáo trong các chương trình truyền hình, sách tự lực, hướng dẫn triết học đại chúng, chương trình giảng dạy “Quốc học” trong các trường đại học (Nguyễn, 2008). Chính phủ Trung Quốc khai thác quân tử để xây dựng hình ảnh quốc gia như một cường quốc có trách nhiệm và đạo đức, với “ngoại giao quân tử” và “sức mạnh mềm Trung Quốc” (Hird, 2017).

Lý tưởng quân tử đang được phục hưng mạnh mẽ trong xã hội Trung Quốc hiện đại. Trong kinh doanh, junzi trở thành một triết lý quản trị đạo đức, giúp doanh nhân và lãnh đạo doanh nghiệp xây dựng uy tín. Các công ty có thể thúc đẩy sự hài hòa nội bộ thông qua việc thực hành năm đức tính quân tử trong quản trị môi trường, xã hội và doanh nghiệp (ESG). Snell & cs., (2022) lập luận rằng khi ban lãnh đạo cấp cao áp dụng các nguyên tắc quân tử trong các chính sách ESG của công ty, điều đó có thể khuyến khích lãnh đạo cấp trung và nhân viên thực hành các đức tính này trong hành vi của họ, từ đó thúc đẩy sự hài hòa trong môi trường làm việc. Trong bối cảnh Trung Quốc hiện đại, đặc biệt là từ sau cải cách kinh tế (1978), tầng lớp trung lưu trí thức đã sử dụng khái niệm quân tử như một công cụ để tái khẳng định bản sắc giai cấp, tạo sự khác biệt với các nhóm xã hội khác, đặc biệt là “đại gia mới nổi” (baofahu). Họ cho rằng địa vị của họ không chỉ đến từ tài sản mà còn từ văn hóa, học thức và phong thái ứng xử. Điều này không chỉ giúp họ bảo vệ bản sắc của mình trong bối cảnh xã hội thay đổi mà còn củng cố quyền lực văn hóa của họ, khi họ có thể phê phán các nhóm giàu có nhưng không có nền tảng giáo dục sâu rộng. Điều này phản ánh cách các khái niệm truyền thống vẫn tiếp tục có sức ảnh hưởng trong xã hội Trung Quốc đương đại.

Mặc dù quân tử vẫn là một khuôn mẫu nam tính quan trọng, nhiều người đàn ông Trung Quốc không tiếp nhận nó một cách cứng nhắc, mà chọn lọc những giá trị phù hợp với đời sống cá nhân. Một số người coi quân tử là một tiêu chuẩn lý tưởng để phát triển bản thân, nhưng cũng cảm thấy áp lực khi phải đạt được hình mẫu hoàn hảo. Trong quan hệ gia đình, quân tử giúp họ xây dựng hình ảnh người cha, người chồng có trách nhiệm, nhưng cũng đặt ra kỳ vọng cao. So với các mô hình nam tính phương Tây, quân tử nhấn mạnh trí tuệ và đạo đức, trong khi nam tính phương Tây truyền thống tập trung vào sức mạnh thể chất và tính cạnh tranh. Tuy nhiên, thay vì đối lập hoàn toàn, nhiều người đàn ông Trung Quốc đang kết hợp junzi với ảnh hưởng từ nam tính phương Tây, tạo ra một kiểu nam tính lai ghép (hybrid masculinity) linh hoạt hơn (Hird, 2017).

Song và Hird (2013) phân tích vai trò phức tạp và đôi khi mâu thuẫn của nam giới Trung Quốc thông qua truyền thông đại chúng và phỏng vấn tại Bắc Kinh. Một trong những điểm nổi bật là mối quan hệ mâu thuẫn giữa Trung Quốc, Nhật Bản và phương Tây, cùng cách lịch sử tác động đến việc kiến tạo nam tính Trung Quốc. Phim truyền hình thường khai thác bối cảnh chiến tranh Trung-Nhật để xây dựng hình tượng nam giới anh hùng chống ngoại xâm,

thể hiện chủ nghĩa dân tộc. Tuy nhiên, giới trẻ Trung Quốc lại yêu thích văn hóa anime và manga Nhật Bản, tạo ra sự đối lập trong nhận thức về nam tính.

Louie (2014) phác thảo một loạt hình mẫu nam tính mới, bao gồm metrosexuals (đàn ông phong cách, quan tâm đến ngoại hình), beautiful men (mỹ nam), feminine boys (nam giới có nét nữ tính) và nhiều phiên bản khác của nam tính mềm mại (soft masculinity) qua nghiên cứu manga Nhật Bản, các nhóm nhạc nam Hàn Quốc và các chương trình truyền hình Trung Quốc. Phụ nữ và giới trẻ giữ vai trò quan trọng trong việc tái định nghĩa nam tính tại Trung Quốc, chủ yếu thông qua sức mạnh tiêu dùng và văn hóa đại chúng. Chẳng hạn như phụ nữ có xu hướng ưa chuộng những người đàn ông có phong cách lịch lãm, chăm chút ngoại hình hơn là những hình mẫu nam tính cứng rắn truyền thống. Giới trẻ chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ văn hóa K-pop, J-pop và các xu hướng thời trang quốc tế, từ đó chấp nhận và thậm chí tôn vinh những hình mẫu nam tính phi truyền thống.

## **5. Kết luận**

Nghiên cứu này đã phân tích sự hình thành, phát triển và biến đổi của mô hình quân tử trong lịch sử nam tính Trung Hoa. Kết quả cho thấy rằng, dù từng là hình mẫu nam tính chủ đạo trong xã hội phong kiến, quân tử đã trải qua nhiều thay đổi để thích ứng với bối cảnh chính trị, kinh tế và xã hội. Trong xã hội hiện đại, quân tử không còn là một hình mẫu cố định mà trở thành một dạng nam tính lai ghép giữa truyền thống và hiện đại. Câu hỏi đặt ra cho các nghiên cứu tiếp theo là liệu mô hình quân tử có thể tiếp tục tồn tại trong một xã hội ngày càng toàn cầu hóa, hay sẽ nhường chỗ cho những hình thức nam tính mới?

Mặc dù nghiên cứu này đã cung cấp một cái nhìn tổng thể về sự vận động của mô hình quân tử, nhưng vẫn còn một số khoảng trống cần được tiếp tục khám phá. Trước hết, nghiên cứu chủ yếu tập trung vào diễn ngôn của tầng lớp trí thức và chính trị gia mà chưa phân tích sâu rộng cách mà nam tính quân tử được diễn giải trong đời sống thường nhật, đặc biệt là qua các phương tiện truyền thông, văn hóa đại chúng và nhận thức của các nhóm xã hội khác nhau. Ngoài ra, nghiên cứu mới chỉ xem xét sự biến đổi của quân tử trong phạm vi Trung Quốc, chưa so sánh với các hình mẫu nam tính tương tự ở các nền văn hóa Á Đông khác, chẳng hạn như Nhật Bản và Việt Nam.

Trong tương lai, nghiên cứu có thể mở rộng theo hướng so sánh xuyên văn hóa, xem xét cách các quốc gia Đông Á khác tiếp nhận và biến đổi lý tưởng quân tử trong bối cảnh hiện đại. Đặc biệt, nghiên cứu về sự giao thoa giữa nam tính truyền thống và nam tính toàn cầu trong thời đại kỹ thuật số có thể giúp hiểu rõ hơn về cách nam tính Trung Hoa tiếp tục phát triển. Nghiên cứu này cũng cung cấp một khung tham chiếu quan trọng để phân tích tầm ảnh hưởng của Nho giáo lên chuẩn mực nam tính Việt Nam. Giống như Trung Quốc, Việt Nam cũng từng chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng quân tử trong suốt thời kỳ phong kiến. Tuy nhiên, quá trình hiện đại hóa và hội nhập quốc tế đã tạo ra những điều chỉnh trong cách hiểu về nam tính. Việc so sánh mô hình quân tử với các hình mẫu nam tính Việt Nam, chẳng hạn như trí thức Nho học hay nam tính chiến sĩ cách mạng, có thể giúp làm sáng tỏ cách chuẩn mực giới tại Việt Nam đã thay đổi trong lịch sử và hiện tại. Từ đó, góp phần mở rộng hiểu biết về sự vận động của nam tính trong bối cảnh Đông Á, cũng như cung cấp dữ liệu cho các nghiên cứu về giới và văn hóa đương đại.

## **Tài liệu tham khảo**

- Benesch, O. (2015). The Samurai Next Door: Chinese Examinations of the Japanese Martial Spirit. *Extrême-Orient Extrême-Occident*, 38, 129-168.
- Chow, Y. F. (2015). *Book review: Chinese Masculinities in a Globalizing World*. SAGE Publications Sage UK: London, England.

- Connell, R. W. (2020). *Masculinities*. Routledge.
- Hird, D. (2017). In league with gentlemen: Junzi masculinity and the Chinese nation in cultural nationalist discourses. *Asia Pacific Perspectives*, 15(1), 14-35.
- Hird, D. (2019). Masculinities in China, *Routledge handbook of East Asian gender studies* (pp. 350-366): Routledge.
- Hirsch, Bret. (2013). *Masculinities in Chinese History*. Rowman & Littlefield Publishers.
- Hui, Y. (2020). *Reimagining Chinese Masculinities: Ideal Manhood in the Three Kingdoms*. University of California, Davis.
- Louie, Kam (2002). *Theorising Chinese Masculinity: Society and Gender in China*. Cambridge University Press.
- Louie, K. (2014). *Chinese masculinities in a globalizing world*. Routledge.
- Pines, Y. (2017). Confucius' elitism: the concepts of Junzi and Xiaoren revisited. *A concise companion to Confucius*, 164-184.
- Qiang, X., & Lambert, A. (2020). Translating junzi in the Lunyu as gentleman: underlying norms and deviances. *Translation Review*, 106(1), 69-88.
- Snell, R. S., Wu, C. X., & Lei, H. W. (2022). Junzi virtues: a Confucian foundation for harmony within organizations. *Asian Journal of Business Ethics*, 11(1), 183-226.
- Song, G., & Hird, D. (2013). *Men and masculinities in contemporary China* (Vol. 6). Brill.
- Trần, T. K. (2008). *Nho giáo*. Hà Nội: NXB. Văn hóa thông tin.
- Wenyu, X. (2012). Kant's Better Man and the Confucian Junzi. *Frontiers of Philosophy in China*, 7(3), 481-497.